

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
9 Tháng Năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện 9 tháng năm 2023	Thực hiện 9 tháng năm 2023/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	139,00	117,13	84,26%	103,71%
I	Số thu phí, lệ phí	139,00	117,13	84,26%	103,71%
1	Lệ phí				
2	Phí	139,00	117,13	84,26%	103,71%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	102,00			
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	102,00			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	102,00			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	37,00	42,11	113,82%	119,05%
1	Lệ phí				

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện 9 tháng năm 2023	Thực hiện 9 tháng năm 2023/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 9 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Phí	37,00	42,11	113,82%	119,05%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.299,40	6.426,40	28,82%	91,65%
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.299,40	6.426,40	28,82%	91,65%
1	Chi quản lý hành chính	8.086,60	4.415,30	54,60%	85,18%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.672,10	4.250,50	74,94%	98,90%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.414,50	164,80	6,83%	18,61%
2	Chi hoạt động kinh tế	14.197,50	1.995,80	14,06%	109,86%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.638,00	1.047,10		349,40%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.559,50	948,70	7,55%	62,54%
3	Chi khác ngân sách	15,30	15,30	100,00%	131,90%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15,30	15,30	100,00%	131,90%

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (b/c);
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Website Sở;
- Lưu VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Bình